TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 284/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11-6-2026
V/v ly hôn giữa anh H và chị Y

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – NINH BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tống Thị Kim Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Lan

Ông Phạm Văn Minh

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Trần Văn Kiên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình tham gia phiên toà***: Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2026/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11-5-2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26-5-2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Quang H, sinh ngày 19-01-1986; số căn cước công dân: 036086020683; số hộ chiếu: N2343673 do Đ tại Cộng hòa S cấp ngày 12-5-2021; nơi đăng ký thường trú: Số A H, phường N, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Cộng hòa S. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền nhận văn bản tố tụng của nguyên đơn: Anh Vũ Tuấn A, sinh ngày 16-10-1995; số căn cước công dân: 036095001112; nơi đăng ký thường trú: 1 H, phường N, tỉnh Ninh Bình (theo văn bản uỷ quyền ngày 24-3-2026).

- Bị đơn: Chị Dương Thị Kim Y, sinh ngày 14-11-1990; số căn cước công dân: 036190020547; nơi đăng ký thường trú: Số E H, phường N, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình nộp ngày 19-3-2026, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là anh Vũ Quang H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Dương Thị Kim Y đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 08 tháng 12 năm 2009. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Vợ chồng không tìm được biện pháp khắc phục mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2014. Năm 2014 anh đi nước ngoài làm ăn, vợ chồng không còn trách nhiệm gì với nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Y.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình đã tống đạt các văn bản tố tụng cho chị Dương Thị Kim Y theo quy định của pháp luật nhưng chị Y không đến Toà án làm việc, không có quan điểm trình bày về việc giải quyết vụ án.

3. Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ tại tổ dân phố P, phường N, tỉnh Ninh Bình của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình, đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Anh Vũ Quang H và chị Dương Thị Kim Y đã kết hôn và có thời gian chung sống tại địa phương. Sau đó, anh Vũ Quang H đi lao động tại nước ngoài. Địa phương không rõ nguyên nhân mâu thuẫn, hiện nay anh H và chị Y không còn sống chung. Vợ chồng anh H và chị Y không có con chung. Nay anh H có đơn xin ly hôn chị Y, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết.

4. Tại biên bản thu thập tài liệu chứng cứ tại tổ dân phố Q, phường N, tỉnh Ninh Bình của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình, đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị Dương Thị Kim Y, sinh ngày 14-11-1990; số căn cước công dân: 036190020547 hiện đang sống tại địa chỉ số E đường H, phường N, tỉnh Ninh Bình đã kết hôn và chung sống với anh Vũ Văn L khoảng từ năm 2016 cho đến nay.

5. Tại Công văn số 689/UBND-VP ngày 06-4-2026 của Ủy ban nhân dân phường N cung cấp: Qua tra cứu dữ liệu đăng ký kết hôn hiện do phường N quản lý có thông tin về việc đăng ký kết hôn của chị Dương Thị Kim Y như sau:

Chị Dương Thị Kim Y và anh Vũ Quang H đăng ký kết hôn số 72 ngày 08-12-2009 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình) và không có thông tin ghi chú "Ly hôn".

Chị Dương Thị Kim Y và anh Vũ Văn L đăng ký kết hôn số 49 ngày 28-10-2016 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình) và không có thông tin ghi chú "Ly hôn".

6. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn vắng mặt không có lý do, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa anh Vũ Quang H và chị Dương Thị Kim Y là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm. Nay hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử ly hôn giữa anh Vũ Quang H và chị Dương Thị Kim Y. Vợ chồng không có con chung; tài sản chung và nghĩa vụ cuhng về tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Căn cứ các tài liệu đã thu thập và công văn số 689/UBND-VP ngày 06-4-2026 của Ủy ban nhân dân phường N thì trong thời gian đang tồn tại hôn nhân giữa chị Y và anh H, chị Y đã xác lập quan hệ với anh Vũ Văn L theo đăng ký kết hôn số 49 ngày 28-10-2016 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định cũ là vi phạm Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015. Vì vậy, kiến nghị các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 thực hiện quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Dương Thị Kim Y và anh Vũ Văn L theo đăng ký kết hôn số 49 ngày 28-10-2016 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình). Anh H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Vũ Quang H và chị Dương Thị Kim Y có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn là anh Vũ Quang H làm đơn khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn với bị đơn là chị Dương Thị Kim Y; chị Dương Thị Kim Y không có yêu cầu phản tố. Anh Vũ Quang H hiện đang cư trú tại Cộng hòa S. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, Điều 464, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025) Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về việc "Ly hôn" có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình.

[1.2] Về sự vắng mặt của các những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn là anh Vũ Quang H có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là chị Dương Thị Kim Y đã được tống đạt hợp lệ phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Vũ Quang H và chị Dương Thị Kim Y có tổ chức hôn lễ và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 08 tháng 12 năm 2009 nên hôn nhân giữa anh H và chị Y là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ bản tự khai của anh H và tài liệu thu thập tại chính quyền địa phương xác định quá trình chung sống, anh H và chị Y đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống. Hiện nay, chị Y đang sống chung cùng người đàn ông khác và đã có hai con chung. Nay anh H xác định không còn tình cảm với chị Y và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Chị Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ chị Y không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị Y ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ cho ly hôn giữa anh H và chị Y theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Căn cứ lời khai của anh Vũ Quang H và tài liệu thu thập tại chính quyền địa phương xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh H xác định vợ chồng không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị Y không có quan điểm gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về đăng ký kết hôn giữa chị Y và anh L: Căn cứ các tài liệu đã thu thập tại chính quyền địa phương và công văn số 689/UBND-VP ngày 06-4-2026 của Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Ninh Bình thì trong thời gian đang tồn tại hôn nhân giữa chị Y và anh H, chị Y đã xác lập quan hệ hôn nhân với anh Vũ Văn L theo đăng ký kết hôn số 49 ngày 28-10-2016 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Ninh Bình) là vi phạm Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015. Vì vậy, kiến nghị các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 thực hiện quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Dương Thị Kim Y và anh Vũ Văn L theo đăng ký kết hôn số 49 ngày 28-10-2016 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội anh Vũ Quang H là nguyên đơn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, Điều 464, Điều 469, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Vũ Quang H và chị Dương Thị Kim Y.

2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh Vũ Quang H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Kiến nghị các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 10 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 thực hiện quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Dương Thị Kim Y và anh Vũ Văn L theo đăng ký kết hôn số 49 ngày 28-10-2016 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Quang H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh Vũ Quang H đã nộp tại biên lai số 0001295 ngày 19-3-2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Anh Vũ Quang H đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Quang H có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Dương Thị Kim Y có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 – Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND P. Nam Định, tỉnh Ninh Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tống Thị Kim Phượng